

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023
quy định chi tiết định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số
/TTr-SNN-TTBVT ngày tháng năm 2024 về việc đề nghị ban hành quy
định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi
đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật
nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; tổ chức làm
nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Chủ sở hữu cây trồng, vật nuôi theo quy định tại Điều 103 của Luật Đất
đai năm 2024 khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bồi thường về cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này "Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước", làm cơ sở để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhóm cây hàng năm: Phụ lục 01.
2. Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhóm cây lâu năm: Phụ lục 02.
3. Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhóm cây lâm nghiệp: Phụ lục 03.
4. Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhóm vật nuôi: Phụ lục 04.

Điều 3. Nguyên tắc và phương pháp bồi thường

1. Đối với cây trồng.

a) Cây trồng hằng năm: Nguyên tắc xác định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng hằng năm được xác định theo phụ lục 01 tại Quyết định này.

Mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch đối với cây trồng đó. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của loại cây trồng đó tại địa phương và đơn giá bồi thường;

b) Cây trồng lâu năm: Nguyên tắc xác định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng lâu năm được xác định theo phụ lục 02 tại Quyết định này.

b) Cây trồng lâu năm: Nguyên tắc xác định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng lâu năm được xác định theo phụ lục 02 tại Quyết định này.

Đối với cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần mà đang trong thời kỳ thu hoạch thì mức bồi thường được tính bằng sản lượng vườn cây còn chưa thu hoạch tương ứng với số năm còn lại trong chu kỳ thu hoạch và đơn giá bồi thường.

Chu kỳ thu hoạch đối với “cây lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần” thì áp dụng quy trình kỹ thuật hoặc định mức kinh tế kỹ thuật của cây trồng đó do cơ quan thẩm quyền ban hành. Trường hợp chưa có quy trình kỹ thuật hoặc định mức kinh tế kỹ thuật thì áp dụng theo quy định tại khoản 2, mục VI, Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; xác định thời gian chu kỳ cây lâu năm, vườn cây lâu năm (bao gồm cả vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây cảnh) là 25 năm. Thời gian kinh doanh là thời gian chu kỳ cây trừ đi giai đoạn kiến thiết cơ bản của cây trồng đó. Thời gian kiến thiết cơ bản của cây trồng thực hiện theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 15/01/2018

của UBND tỉnh ban hành danh mục, thời gian kiến thiết cơ bản cho các loại cây trồng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước, những cây chưa xác định được thời gian kiến thiết cơ bản thì đơn vị thực hiện đền bù báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu UBND tỉnh quyết định.

c) Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế khi phải di chuyển, trồng lại theo giá cả thực tế ở địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đối với cây lâm nghiệp trồng bằng vốn tự đầu tư của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đơn giá bồi thường theo phụ lục 03 kèm tại Quyết định này.

Đối với cây rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cây rừng tự nhiên giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng, quản lý, chăm sóc, bảo vệ thì bồi thường theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây. Việc điều tra, kiểm kê hiện trạng và định giá rừng thực hiện theo Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định phương pháp định giá rừng, hướng dẫn định khung giá rừng; tiền bồi thường được phân chia cho người quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

đ) Đơn giá bồi thường các loại cây trồng quy định tại các Phụ lục kèm theo là đơn giá chuẩn, áp dụng để xác định giá các loại cây trồng được đầu tư chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, có mức độ sinh trưởng và phát triển trung bình.

e) Mật độ cây trồng quy định tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này là mật độ chuẩn. Trường hợp cây trồng đúng mật độ chuẩn hoặc thấp hơn mật độ chuẩn thì giá trị bồi thường đối với cây trồng được xác định bằng đơn giá cây trồng nhân (x) với số lượng cây thực tế khi kiểm đếm.

f) Trường hợp cây trồng vượt quá mật độ chuẩn (*cây trồng vẫn sinh trưởng phát triển bình thường*) thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào tình hình thực tế tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

g) Đối với trường hợp trên một đơn vị diện tích gieo trồng nhiều loại cây có chu kỳ sinh trưởng, sản xuất kinh doanh khác nhau: Khi kiểm tra hiện trạng cần xác định rõ cây trồng chính, cây trồng xen, mật độ thực tế của từng loại cây trồng để có sự đánh giá chuẩn xác về chất lượng của cây trồng chính, cây trồng xen. Tổng giá trị cây trồng trên một đơn vị diện tích có trồng xen nhiều loại cây khác nhau bằng (=) giá trị của từng loại cây trồng cộng lại (*trên cơ sở số lượng, năm tuổi (hoặc đường kính) và đơn giá của từng loại cây theo đo đếm, kiểm tra hiện trạng thực tế*), nhưng tối đa không vượt quá 1,5 lần giá trị cây trồng tính theo cây trồng chính khi trồng chuyên canh trên diện tích đó với mật độ chuẩn.

h) Đối với cây ươm, cây mới trồng được tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường, hỗ trợ.

i) Đối với cây trồng là cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây giống gốc, cây trội, cây quý hiếm có chứng nhận (*công nhận*) của cơ quan có thẩm quyền, đang trong thời gian khai thác, mức bồi thường được tính bằng 02 (hai) lần so mức bồi thường của loại cây tương ứng tại Quyết định này.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại như sau:

- Đối với vật nuôi, thủy sản, tại thời điểm thống kê, kiểm đếm, lập phương án bồi thường mà chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm.

Trường hợp mật độ vật nuôi, thủy sản tại thời điểm thống kê, kiểm đếm lập phương án bồi thường thấp hơn so với mật độ vật nuôi, thủy sản tại quy định này thì mức bồi thường tính như sau: Mức bồi thường = (mật độ thực tế/mật độ theo quy định này) x đơn giá bồi thường.

- Đối với vật nuôi, thủy sản khác mà không thể di chuyển được, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án bồi thường cho từng trường hợp cụ thể, thỏa thuận với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trước khi trình ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ sở hữu cây trồng, vật nuôi, thủy sản quy định tại Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024, được tự thu hồi cây trồng, vật nuôi, thủy sản trước khi bàn giao lại đất cho Nhà nước.

Điều 4. Quy định một số trường hợp trong công tác bồi thường

1. Đối với các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản chưa có trong quy định này thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng vận dụng đơn giá bồi thường của các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản tương đương để tính bồi thường.

2. Trường hợp không có loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản tương đương thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập dự toán (hoặc thuê tổ chức tư vấn lập dự toán) gửi cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, phê duyệt đơn giá, chi phí bồi thường.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc và có sự thay đổi về đơn giá, đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh;
- CT và Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp(KTVB);
- Đài PT-TH&BBP;
- Trung tâm CN TTTT tỉnh; Website tỉnh;
- Như Điều 7;
- LĐVP, CV, HCTC, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tuệ Hiền